TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H** Số: 34 /2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *V, ngày 13 tháng 05 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T – SN: 1989

HKTT tại: Phố T, xã L, huyện V, tỉnh H

Bị đơn: Anh Phạm Văn Hg – SN: 1989

HKTT tại: Phố T, xã L, huyện V, tỉnh H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Phạm Phương V –SN: 05/10/2011 và cháu Phạm Đức T –SN: 10/09/2013

Đều có HKTT tại: Phố T, xã L, huyện V, tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,58,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 05 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 05 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn H**.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn H đều xin thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn H sinh được hai cháu tên là Phạm Phương V-SN: 05/10/2011 và cháu Phạm Đức T –SN: 10/09/2013.

Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn H tự nguyện tự thỏa thuận với nhau: giao cháu Phạm Phương V –SN: 05/10/2011 cho chị Phạm Thị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi

cháu đủ 18 tuổi, giao cháu Phạm Đức T –SN: 10/09/2013 cho anh Phạm Văn H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hai bên tự nguyện không yêu cầu phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng nhau.

Chị T và Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

Về tài sản chung vợ chồng, về ruộng nông nghiệp, về công nợ, về công sức: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn H xác định anh chị không có và tự nguyện không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị T tự nguyện xin chịu cả 150.000 tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000361 ngày 14/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lâm chị T đã nộp đủ. Chị T tự nguyện sung công quỹ nhà nước số tiền còn lại là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *UBND xã L*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Văn T